

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 143/2022/HNGĐ - ST
Ngày: 20/12/2022
“V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG DÂN, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Kiệt

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Đến

Ông Lại Thiện Phong

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Kim Phương - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân tham gia phiên tòa: Ông Dương Minh Kha - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 12 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 262/2022/TLST–HNGĐ, ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 141/2022/QĐXXST–HNGĐ, ngày 01 tháng 12 năm 2022 giữa:

Nguyên đơn: Chị **Lưu Ngọc N**, sinh năm 1992 (Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Xóm Mới, xã Tạ An Khương Đông, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Anh **Trương Văn T**, sinh năm 1990 (Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Ninh Thạnh I, xã Ninh Hòa, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/7/2022 và tại bảng tự khai ngày 03/10/2022, nguyên đơn chị Lưu Ngọc N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh T có tổ chức đám cưới trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc và có tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ninh Hòa, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 10/02/2014.

Hai người chung sống hạnh phúc không lâu thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và hiện tại hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau khoảng 02 năm nay. Nay chị N nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Trương Văn T.

Về con chung: Chị N xác định trong quá trình chung sống giữa chị N và anh T có 01 người con chung là cháu Trương Thiên Tuấn, sinh ngày 17/10/2014. Hiện tại cháu Tuấn đang sống với chị N, chị N yêu cầu nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Chị N xác định giữa chị và anh T không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị N không còn yêu cầu nào khác.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/10/2022 bị đơn anh Trương Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị N có tổ chức đám cưới trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc và có tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ninh Hòa, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 10/02/2014. Trong thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nguyên nhân chủ yếu là do anh hay cờ bạc và hiện tại hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau khoảng 02 năm nay. Nay vợ anh yêu cầu ly hôn với anh thì anh không đồng ý, anh muốn hàn gắn mối quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Anh T xác định giữa anh và chị N có 01 người con chung là cháu Trương Thiên Tuấn, sinh ngày 17/10/2014. Hiện tại cháu Tuấn đang sống chung với chị N. Anh T đồng ý giao cháu Trương Thiên Tuấn, sinh ngày 17/10/2014 cho chị N nuôi dưỡng và anh Tuấn không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh T xác định giữa anh và chị N không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh T không có yêu cầu gì khác.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

- Về việc giải quyết vụ án:

1. Về hôn nhân: Chị Lưu Ngọc N được ly hôn anh Trương Văn T.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Trương Thiên Tuấn, sinh ngày 17/10/2014 cho chị N nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung nhưng anh được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản.

3. Về quan hệ tài sản: Chị N và anh T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Ngoài ra đương sự còn phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Lưu Ngọc N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh T, yêu cầu nuôi con chung nên căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án thụ lý giải quyết vụ án về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” là đúng quy định.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Trương Văn T có nơi đăng ký thường trú tại ấp Ninh Thạnh I, xã Ninh Hòa, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Nguyên đơn chị Lưu Ngọc N và bị đơn anh Trương Văn T tuy vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu được xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với chị N và anh T.

Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lưu Ngọc N.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lưu Ngọc N và anh Trương Văn T có tổ chức đám cưới với nhau trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ninh Hòa, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 10/02/2014 nên quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình chung sống đến nay, chị N và anh T đều xác định có phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hai vợ chồng có hàn gắn với nhau nhưng không được. Hiện tại hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau khoảng 02 năm nay. Nay chị N nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị

yêu cầu được ly hôn với anh T nhưng anh T không đồng ý, anh muốn hàn gắn mối quan hệ vợ chồng.

Xét thấy, hôn nhân gia đình được xây dựng trên nền tảng bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc. Vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, nhưng giữa chị N và anh T lại phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không có tiếng nói chung và hiện tại đã sống lý thân với nhau nhiều năm. Mặt khác, quá trình thụ lý, giải quyết vụ án chị N vẫn kiên quyết ly hôn, còn anh T không đồng ý ly hôn nhưng anh không có biện pháp gì để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng, đồng thời khi được mời hòa giải thì anh T lại vắng mặt. Điều đó cho thấy mối quan hệ hôn nhân của chị N và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình cho chị N được ly hôn với anh T.

[5] Về con chung: Chị N và anh T xác định trong quá trình chung sống giữa chị N và anh T có 01 người con chung là cháu Trương Thiên Tuấn, sinh ngày 17/10/2014. Hiện tại cháu Tuấn đang sống chung với chị N. Chị N yêu cầu nuôi cháu Tuấn và anh T cũng đồng ý giao cháu Tuấn cho chị N nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Tuấn hiện đang sống ổn định với chị N, cháu đã có môi trường và cuộc sống ổn định, bên cạnh đó cháu Tuấn cũng có nguyện vọng được theo sống chung với chị N. Vì vậy Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu Trương Thiên Tuấn, sinh ngày 17/10/2014 cho chị N nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị N không yêu cầu cấp dưỡng cho cháu Tuấn nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[[6] Về quan hệ tài sản: Chị N và anh T xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Về ý kiến phát biểu việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên: Hội đồng xét xử xét thấy việc đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ và được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lưu Ngọc N.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Lưu Ngọc N được ly hôn anh Trương Văn T.

2/ Về con chung: Tiếp tục giao cháu Trương Thiên Tuấn, sinh ngày 17/10/2014 cho chị Lưu Ngọc N nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Trương Văn T không phải cấp dưỡng nuôi cháu Tuấn nhưng anh được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản.

3/ Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4/ Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lưu Ngọc N phải nộp số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng chị N đã dự nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006477 ngày 03/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu nay chuyển thu toàn bộ số tiền trên thành án phí.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ. Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp và cấp trên được quyền kháng nghị bản án này theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu
- VKSND huyện Hồng Dân;
- Chi cục THADS huyện Hồng Dân;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Kiệt

